

Công ty cổ phần Viễn thông FPT (HOSE: FOX)

Triển vọng tăng trưởng bền vững

- LN ròng 2025 tăng trưởng 22% svck, nhờ mở rộng thị phần và tăng giá cho thuê bao mới. Ước tính LN ròng Q1/26 duy trì tăng trưởng 13% svck.
- LN ròng 2026-27 tăng trưởng 14%/15% svck, doanh nghiệp đưa ra các gói dịch vụ chất lượng giúp giữ vững thị phần và tăng APRU.
- Khuyến nghị **Khả quan** với giá mục tiêu 93,000đ/cp.

Tổng hợp KQKD 2025 và dự phóng lợi nhuận Q1/2026

Trong 2025, FOX ghi nhận doanh thu tăng 13.7% svck, chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh tích cực mảng băng rộng cố định. Trong đó, thị phần cải thiện nhờ gói sản phẩm chất lượng cùng việc mở rộng địa bàn sang các thành phố cấp 2, APRU cũng ghi nhận tăng nhờ tăng giá gói cước cho thuê bao mới và bán chéo các dịch vụ đi kèm. Theo đó, biên LN cải thiện đáng kể hỗ trợ LN ròng tăng 22% svck. Nhìn sang Q1/26, chiến lược tăng trưởng được duy trì, doanh nghiệp bổ sung nhiều sản phẩm chất lượng nhằm thu hút khách hàng như gói truyền hình với độc quyền giải bóng đá Ngoại hạng Anh, doanh thu là LN ròng tăng ổn định 10.6% svck và 13% svck theo ước tính của chúng tôi.

Triển vọng 2026-27: Băng rộng cố định tiếp tục là điểm tựa tăng trưởng

Chúng tôi kỳ vọng doanh thu FOX 2026-27 tăng trưởng ~10% CAGR, với động lực chính vẫn đến từ hoạt động kinh doanh hiệu quả ở mảng băng rộng cố định. Trong đó, ước tính thuê bao băng rộng cố định cả nước tăng ~4%/năm, và thị phần của FPT có thể cải thiện nhẹ nhờ chất lượng sản phẩm tốt, doanh nghiệp được đánh giá cao về yếu tố trải nghiệm của người dùng và chăm sóc khách hàng. APRU kỳ vọng cũng tăng ~5%/năm nhờ tăng giá cước internet và tăng cường bán chéo các dịch vụ về truyền hình, smarthome, cloud.

Đối với mảng Trung tâm dữ liệu (DC), kỳ vọng tăng trưởng kép ~35% GD 2026-27 nhờ Fornix HCM02 dần hoạt động tối đa công suất, tuy nhiên chúng tôi ước tính đóng góp vào doanh thu và LNTT chỉ đạt ~6-8%. Nhìn về dài hạn, triển vọng mảng DC được đánh giá tích cực khi Việt Nam đang bước vào giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ, nhờ nhu cầu lưu trữ và xử lý dữ liệu tăng nhanh trong bối cảnh chuyển đổi số, điện toán đám mây và AI bùng nổ. Tận dụng hệ sinh thái công nghệ, khách hàng của FPT, cộng với việc về tay Bộ Công An có thể mở ra không gian phát triển mới, đặc biệt trong các dự án hạ tầng số phục vụ quản trị nhà nước và dịch vụ công.

Khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu 93,000đ/cp

Khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu 93,000đ/cp (Tiềm năng tăng giá bao gồm tỷ suất cổ tức đạt 20%). Chúng tôi áp dụng phương pháp định giá FCFF (WACC: 10%, CoE: 12%) và P/E với tỷ trọng tương đương. FOX có mô hình kinh doanh ổn định về dòng tiền, các yếu tố giúp cải thiện biên LN đóng vai trò quan trọng để phản ánh sức mạnh của doanh nghiệp. Chúng tôi áp dụng mức P/E mục tiêu 2026-27 là 16x, tương đương mức trung bình 2 năm của doanh nghiệp, đồng thời khá phù hợp khi so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành (Trung bình đạt 16.0x). Trong những năm trở lại đây, FOX đang có xu hướng giao dịch trên vùng P/E trung bình, nhờ các triển vọng mới từ mảng trung tâm dữ liệu, và tiềm năng mở rộng khi được sở hữu lại bởi Bộ Công An.

Chỉ tiêu tài chính	2024	2025	2026	2027
Doanh thu thuần	17,610	19,507	21,555	23,869
Lợi nhuận ròng	2,803	3,418	3,900	4,488
Tăng trưởng doanh thu thuần	11.4%	10.8%	10.5%	10.7%
Tăng trưởng LN ròng	17.6%	21.9%	14.1%	15.1%
Biên LN gộp	47.2%	49.8%	50.4%	50.6%
Biên EBITDA	26.6%	26.9%	27.2%	27.5%
ROAE	28.4%	31.2%	32.1%	31.4%
ROAA	12.8%	13.7%	14.2%	14.7%
EPS (VND/cổ phiếu)	3,795	4,627	5,279	6,075
BVPS (VND/cổ phiếu)	13,932	14,749	17,137	20,345

Nguồn: MBS Research

KHẢ QUAN

Giá mục tiêu

VND93,000

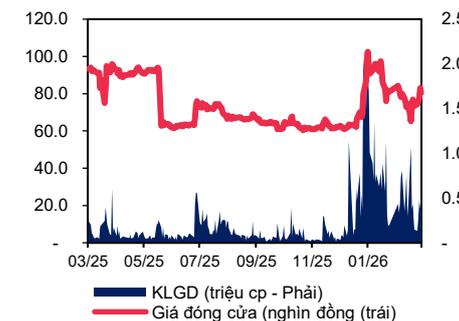
Tiềm năng tăng giá

20%

Thay đổi trọng yếu trong báo cáo

na

Thông tin cổ phiếu



Nguồn: Fiinpro, MBS Research

Giá thị trường (VND)	80,500
Cao nhất 52 tuần (VND)	100,800
Thấp nhất 52 tuần (VND)	51,200
Vốn hóa (tỷ VND)	60,388
P/E (TTM)	17.7
P/B	5.5
Thị suất cổ tức (%)	4.1%
Tỷ lệ SH nước ngoài (%)	0.0%

Nguồn: <https://s24.mbs.com.vn/>

Cơ cấu sở hữu

Bộ Công An	50.1%
FPT	45.6%
Khác	4.2%

Chuyên viên phân tích



Nguyễn Hà Đức Tùng

Tung.nguyenhaduc@mbs.com.vn

Công ty cổ phần Viễn thông FPT (HOSE: FOX)

Luận điểm đầu tư & Khuyến nghị

Luận điểm đầu tư

- BĂNG rộng cố định tiếp tục là trụ cột doanh thu của FOX, dự phóng doanh thu tăng trưởng ổn định 10% CAGR 2026-27, với nền tảng thuê bao và gói cước chất lượng, giúp doanh nghiệp giữ vững thị phần. Bên cạnh doanh thu thuê bao, FOX còn gia tăng ARPU thông qua các dịch vụ đi kèm như truyền hình trả phí (FPT Play), bán thiết bị đi kèm (router, mesh Wi-Fi, smart TV box) và các gói dịch vụ về Cloud, kênh thuê riêng cho khách hàng doanh nghiệp. Lợi thế cạnh tranh của FOX nằm ở hệ sinh thái công nghệ có sẵn của FPT tạo ra sự khác biệt về yếu tố trải nghiệm người dùng so với các đối thủ. Trong các năm tới, tăng trưởng thuê bao có thể chậm lại khi thị trường dần bão hòa, tuy nhiên ARPU và doanh thu trên mỗi hộ gia đình vẫn còn dư địa tăng nhờ bán chéo dịch vụ và nâng cấp gói cước tốc độ cao.
- Trung tâm dữ liệu (DC) là một trong những động lực tăng trưởng dài hạn quan trọng trong bối cảnh nhu cầu lưu trữ và xử lý dữ liệu tại Việt Nam tăng nhanh. FOX hiện đang vận hành hệ thống DC với tổng quy mô hơn 7,000 rack, đạt tiêu chuẩn quốc tế Tier III. Tỷ lệ lấp đầy tại nhiều cơ sở đã ở mức cao nhờ tận dụng hệ sinh thái khách hàng từ FPT, tạo nền tảng cho việc mở rộng công suất trong các năm tới. Triển vọng của mảng này được hỗ trợ bởi ba yếu tố chính: nhu cầu lưu trữ dữ liệu nội địa ngày càng tăng, yêu cầu về chủ quyền dữ liệu (data localization) từ các cơ quan quản lý, và làn sóng doanh nghiệp triển khai AI cần hạ tầng tính toán lớn. Mặc dù chưa đóng góp quá lớn, chúng tôi kỳ vọng mảng ghi nhân tăng trưởng kép doanh thu ~30% GD 2026-27 khi nhà máy Fornix HCM02 vận hành tối đa công suất.
- Trong T3/26, FPT chính thức hủy hợp nhất FOX. Việc được chuyển giao về hệ sinh thái Bộ Công An có thể mở ra không gian phát triển mới, đặc biệt trong các dự án hạ tầng số phục vụ quản trị nhà nước và dịch vụ công. Trong bối cảnh Chính Phủ thúc đẩy xây dựng chính phủ số và kinh tế dữ liệu, nhu cầu về hạ tầng lưu trữ, xử lý và bảo mật dữ liệu công sẽ tăng mạnh. Việc tham gia sâu hơn có thể giúp FOX mở rộng nguồn việc trong các dự án trung tâm dữ liệu, mạng truyền dẫn và các dịch vụ số trong dài hạn.

Khuyến nghị khả quan với giá mục tiêu 93,000đ/cp

Khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu 93,000đ/cp (Tiềm năng tăng giá bao gồm tỷ suất cổ tức đạt 20%). Chúng tôi áp dụng phương pháp định giá FCFF (WACC: 10%, CoE: 12%) và P/E với tỷ trọng tương đương. Fox có mô hình kinh doanh khá ổn định về dòng tiền, và các yếu tố giúp cải thiện LN đóng vai trò quan trọng để phản ánh sức mạnh của doanh nghiệp. Chúng tôi áp dụng mức P/E mục tiêu 2026-27 là 16x, tương đương mức trung bình 2 năm của doanh nghiệp, đồng thời khá phù hợp khi so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành (Trung bình đạt 16.0x). Trong những năm trở lại đây, FOX đang có xu hướng giao dịch trên vùng P/E trung bình, nhờ các triển vọng mới từ mảng trung tâm dữ liệu, và tiềm năng mở rộng khi được sở hữu lại bởi Bộ Công An.

Hình 1: Định giá DCF – Tổng hợp dự phóng dòng tiền

Đơn vị: Tỷ đồng	2026	2027	2028	2029 //	2036
EBITDA	5,865	6,555	7,219	7,849	14,851
(-) Chi phí khấu hao	(1,379)	(1,432)	(1,485)	(1,540)	(1,947)
EBIT	4,486	5,123	5,734	6,309	12,904
(-) Thuế	(1,002)	(1,156)	(1,316)	(1,472)	(3,443)
Thuế (%)	0%	0%	0%	0%	0%
EBIAT	3,483	3,967	4,418	4,837	9,460
(+) Chi phí khấu hao	1,379	1,432	1,485	1,540	1,947
(+) (Tăng)/giảm vốn lưu động	(1,268)	(1,369)	(1,353)	(1,361)	(3,257)
(-) Chi phí đầu tư TSCĐ	(1,476)	(1,484)	(1,479)	(1,480)	(1,480)
FCFF	2,118	2,545	3,071	3,537	6,671
Giá trị dòng tiền năm cuối					66,706

Nguồn: MBS Research

Hình 2: Chi phí vốn

Chi phí vốn	
Lãi suất phi rủi ro	3.0%
Beta	1.0
Phần bù rủi ro	9.0%
Chi phí vốn	12.0%

Nguồn: MBS Research

Hình 3: WACC & tăng trưởng dài hạn

WACC & tăng trưởng dài hạn	
Giá trị doanh nghiệp	63,706
Nợ	(8,254)
Chi phí nợ	10.0%
Thuế (%)	20.0%
WACC	10.0%
Tăng trưởng dài hạn	0.0%

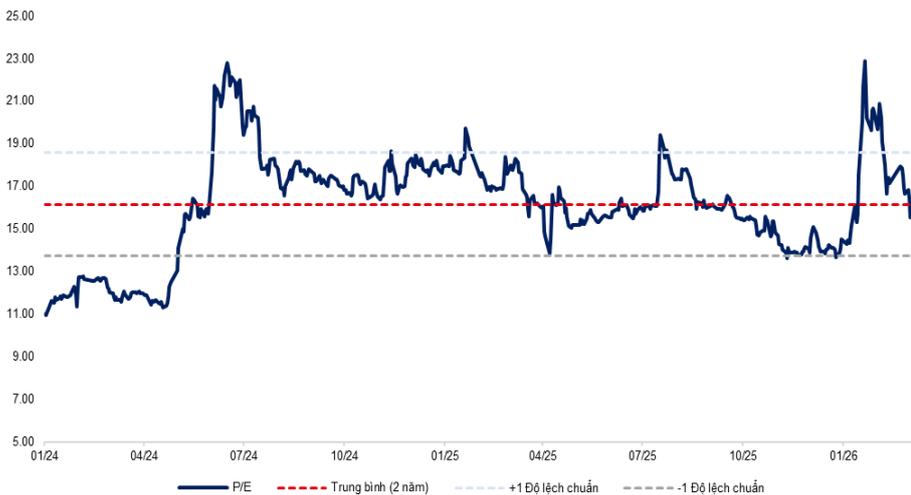
Nguồn: MBS Research

Hình 4: Tổng hợp định giá

Phương pháp	Hệ số mục tiêu	Giá trị mỗi cổ phiếu	Tỷ trọng	Giá theo tỷ trọng
		đồng/cp	%	đồng/cp
Trung bình P/B 2025-26	16.0x	90,835	50%	45,417
DCF 10 năm		95,132	50%	47,566
Giá hợp lý				92,983
Giá mục tiêu (làm tròn)				93,000

Nguồn: MBS Research

Hình 5: Diễn biến P/E GD từ 2024 đến nay của doanh nghiệp



Nguồn: FiinproX, MBS Research

Hình 6: So sánh các doanh nghiệp cùng ngành

Công ty	Mã	Vốn hóa tr USD	P/E (x)		P/B (x)		EV/EBITDA (x)		ROE (%)		ROA (%)		D/E (%)
			TTM	2026	Hiện tại	2026	Hiện tại	2026	TTM	2026	TTM	2026	Hiện tại
Bloomberg													
FOX	FOX VN	2,077.0	17.0	15.1	5.0	4.7	9.5	9.0	31.2	32.7	13.7	14.6	48.2
Viễn thông													
China Telecom-H	728 HK	76,678.0	11.5	11.3	0.8	0.8	2.6	na	7.6	7.4	3.9	3.9	11.3
Singapore Telecom	ST SP	64,461.0	13.3	24.2	3.1	3.0	13.1	21.1	16.4	12.6	8.6	6.1	44.9
Telkom Indonesia	TKLM IJ	17,706.0	13.7	12.5	2.1	2.0	4.9	4.7	15.9	15.5	7.5	8.3	50.1
Pldt Inc	TEL PM	4,785.0	11.5	10.7	2.2	1.9	5.7	5.5	24.8	25.7	4.7	5.9	280.0
Telekom Malaysia	T MK	7,234.0	16.6	16.1	2.6	2.5	6.5	6.4	16.5	15.6	8.2	8.5	34.1
Time Dotcom Bhd	TDC MK	2,802.1	25.6	21.4	3.4	3.4	14.3	12.1	12.0	16.2	9.1	10.5	1.9
Trung bình			15.4	16.0	2.4	2.3	7.9	10.0	15.5	15.5	7.0	7.2	70.4
Trung vị			13.5	14.3	2.4	2.3	6.1	6.4	16.2	15.6	7.9	7.2	39.5
Trung tâm dữ liệu													
Globe Telecom	GLO PM	72,503.0	10.6	10.5	1.4	1.3	6.8	6.5	12.9	13.4	3.6	3.8	220.0
Advanced Info	ADVANC TB	30,145.7	22.8	21.4	10.2	15.1	10.4	9.9	46.8	58.0	11.2	13.7	179.0
Keppel DC REIT	KDCREIT SP	46,220.6	21.2	19.3	1.4	1.4	22.9	21.2	6.7	6.8	4.5	4.3	50.1
Singapore Telecom	ST SP	16,784.5	13.3	24.2	3.1	3.0	13.1	21.1	16.4	12.6	8.6	6.1	44.9
Sunevision Holdings	1686 HK	1,524.2	24.9	23.4	2.5	4.0	14.5	13.8	17.9	17.7	4.0	4.2	40.4
GDS Holdings Ltd	GDS US	6,237.0	na	na	2.2	2.3	21.0	17.8	25.1	6.4	6.9	2.2	175.0
NextDC Ltd	NXT AU	5,229.8	na	na	1.9	2.0	46.6	43.3	(1.3)	(3.2)	(0.9)	(1.1)	60.2
Trung bình			18.6	19.8	3.2	4.2	19.3	19.1	17.8	16.0	5.4	4.7	109.9
Trung vị			21.2	21.4	2.2	2.3	14.5	17.8	16.4	12.6	4.5	4.2	60.2

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Rủi ro đầu tư

- Mảng băng rộng cố định: Đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ hai nhà mạng nhà nước lớn là Viettel và VNPT. Xu hướng sử dụng băng rộng di động (xu hướng 5G) ngày càng phổ biến, đe dọa lên tăng trưởng nhu cầu cho băng rộng cố định.
- Trung tâm dữ liệu: Các rủi ro hiện hữu liên quan đến 1) chính sách phê duyệt chưa thông thoáng; 2) Giá điện tăng.
- Việc không còn là công ty con của của FPT có thể khiến FOX không được dành sự quan tâm hay nguồn lực lớn từ FPT như giai đoạn trước.

Tiềm năng tăng giá

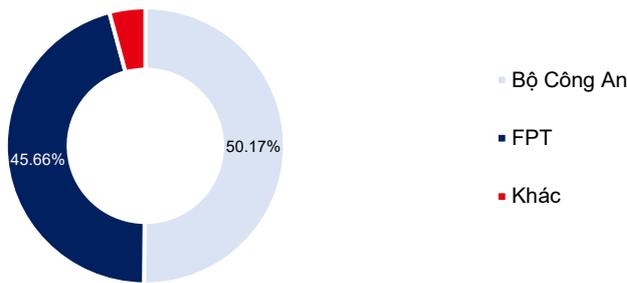
- Các hướng đi mới ở mảng broadband + Quảng cáo trực tuyến giúp FOX dành thị phần tích cực hơn dự kiến.
- Các thông tin tích cực hơn về chính sách, ưu đãi cho phát triển các dự án trung tâm dữ liệu.

Tổng quan về FOX

Lịch sử hình thành: Thành lập năm 1997 với tiền thân là Trung tâm Dịch vụ Trực tuyến (Online Services) thuộc FPT Corporation, ban đầu cung cấp các dịch vụ Internet và nội dung số tại Việt Nam. Năm 2002, công ty chính thức chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp viễn thông, tập trung phát triển hạ tầng Internet băng rộng cố định. Từ mảng cốt lõi, doanh nghiệp mở rộng và hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ số, bao gồm data center, cloud, IoT, Smart Home và nền tảng nội dung số (FOC).

Cơ cấu cổ đông: Hai cổ đông lớn là Tập đoàn FPT (45.66%) và Bộ Công An (50.17%). Trong đó, FPT đóng vai trò cổ đông chiến lược, giúp FOX tận dụng hệ sinh thái công nghệ của tập đoàn, đặc biệt trong các mảng dịch vụ số, cloud và trung tâm dữ liệu (DC). Bên cạnh đó, sự góp mặt của Bộ Công An từ 2025 được cho là sẽ giúp doanh nghiệp mở rộng không gian đầu tư, có thêm các khách hàng, nguồn việc từ khối hành chính công.

Hình 7: Cơ cấu cổ đông của FOX



Nguồn: FOX, MBS Research

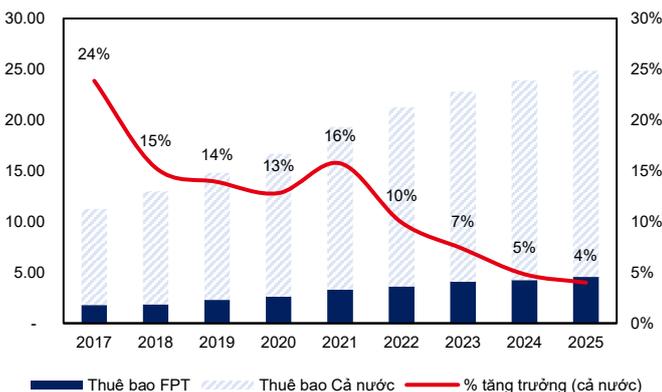
Ngành nghề kinh doanh chính:

Bảng rộng cố định: Top 3 thị phần trong mảng, tập trung các thành phố lớn và được đánh giá cao về trải nghiệm khách hàng

Một trong ba nhà cung cấp dịch vụ Internet băng rộng cố định (Broadband) lớn nhất cả nước (Thị phần 17.9%), đứng sau Viettel (38.2%) và VNPT (38.9%). FOX tập trung ở các đô thị lớn như Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, trong khi các nhà mạng khác với lợi thế lớn về nguồn lực cung cấp sản phẩm khắp cả nước.

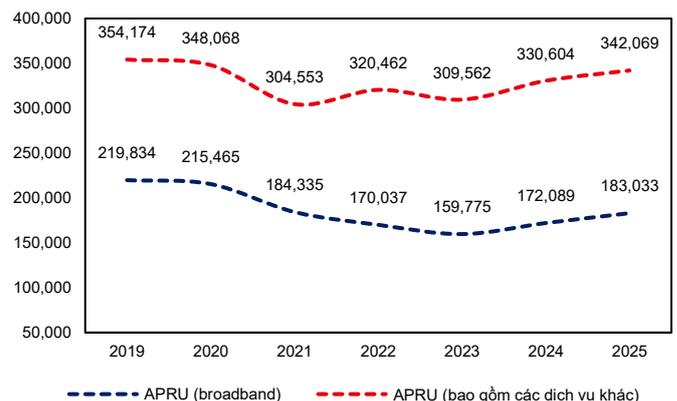
Về bối cảnh ngành Viễn thông, các nhà mạng có năng lực cung cấp chất lượng Internet cơ bản là tương đương nhau, ba nhà mạng có tốc độ mạng nhanh nhất chính là ba ông lớn VNPT, Viettel và FOX, các gói cước không có khác biệt quá lớn về giá. Chúng tôi cho rằng đây là các đặc điểm khá đặc trưng của thị trường độc quyền nhóm (oligopoly) như ngành Viễn Thông. Hiện tại, Việt Nam thuộc nhóm thị trường phát triển, tỷ lệ tỷ phủ cập internet cao, theo đó, tốc độ tăng trưởng thuê bao băng rộng cố định có xu hướng giảm nhanh từ mức tăng trưởng kép 14% GĐ 2015-20 xuống còn ~5.1% GĐ 2020-25. Theo đó, mô hình cạnh tranh thuần về đầu tư Capex, nâng cao chất lượng mạng và tăng giá gói cước để dành thị phần không còn nhiều dư địa. Chiến lược các nhà mạng hiện nay xoay sang nâng cao trải nghiệm người dùng, cung cấp thêm các dịch vụ giá trị gia tăng nhằm giúp tăng doanh thu trung bình trên mỗi thuê bao (APRU) từ đó cải thiện biên LN. Ở khía cạnh này, chúng tôi cho rằng FOX đang làm khá tốt và ghi nhận KQKD tích cực trong các năm gần đây.

Hình 8: Tăng trưởng thuê bao băng rộng cố định dần tiến đến bão hòa GĐ 2017-25 (Đơn vị: Triệu thuê bao)



Nguồn: Sách trắng CNTT, MBS Research

Hình 9: APRU giảm trong giai đoạn 2019-22 nhưng có xu hướng tăng trở lại nhờ các giải pháp nâng cao chất lượng mạng và dịch vụ giá trị gia tăng, giúp tăng giá gói cước (Đơn vị: nghìn đồng/tháng)



Nguồn: FPT, MBS Research

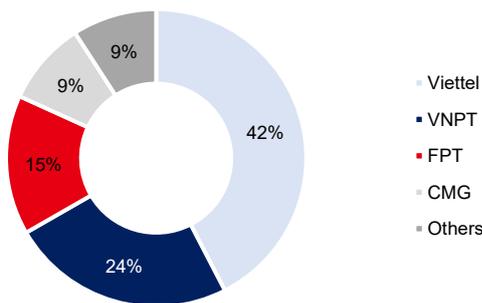
Từ mảng cốt lõi, doanh nghiệp mở rộng và hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ số, bao gồm Data center, cloud, IoT, Smart Home và nền tảng nội dung số (FOC):

Công ty đẩy mạnh bán chéo các dịch vụ như FPT Play, Smart Home, camera an ninh và các gói dịch vụ Internet tích hợp thiết bị WiFi cao cấp nhằm nâng cao trải nghiệm người dùng. Mặc dù về cơ bản, các nhà mạng khác cũng đang cung cấp các dịch vụ tương tự, tuy nhiên FPT Telecom được đánh giá cao về dịch vụ chăm sóc khách hàng và đặc biệt là yếu tố trải nghiệm người dùng.

Cụ thể, trong 2024-25, FPT Telecom đưa ra được những gói Combo, dịch vụ Internet được đánh giá cao, phù hợp với người dùng đặc biệt đánh vào các nhóm gia đình trẻ, cũng như có tính cá nhân hóa, phục vụ các nhu cầu riêng biệt như gaming, giải trí. Các gói dịch vụ đi kèm cũng được đầu tư, nổi bật như sản phẩm truyền hình, giải trí (FPT play), mới đây là độc quyền phát sóng Ngoại Hạng Anh, UFC. Trong thời gian gần đây, việc truy quét các trang web lậu về bóng đá đang là một yếu tố hỗ trợ đối với doanh nghiệp trong bối cảnh người xem giải đấu Ngoại Hạng Anh tại Việt Nam rất phổ biến. Để đón đầu, doanh nghiệp tích cực nâng cao trải nghiệm người dùng ở mảng truyền hình cùng với việc đưa ra các gói Combo với mức giá hợp lý.

Thị trường trung tâm dữ liệu (DC) tại Việt Nam đang bước vào giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ, nhờ nhu cầu lưu trữ và xử lý dữ liệu tăng nhanh trong bối cảnh chuyển đổi số, điện toán đám mây và AI bùng nổ. FOX bắt đầu mở rộng mảng từ 2018, đang vận hành 4 trung tâm dữ liệu (Hà Nội, TP.HCM và Đà Nẵng) với hơn 7.000 racks, trong đó nhiều cơ sở đạt chuẩn Tier III, đảm bảo khả năng vận hành liên tục (uptime trên 99,98%). Trong đó, trung tâm dữ liệu Fornix HCM02 khánh thành GD1 trong 2025, khi vận hành tối đa công suất, đây sẽ là dự án có quy mô lớn nhất Việt Nam với 3,600 tủ rack. Hiện tại, bên cạnh FOX, các tập đoàn viễn thông lớn như Viettel, VNPT, CMC cũng đang đẩy mạnh mảng này và là những tay chơi chi phối thị trường.

Hình 10: FOX thuộc nhóm 4 doanh nghiệp lớn nhất thị trường DC, đều là các doanh nghiệp có kinh nghiệm ngành Viễn Thông – CNTT



*Thị phần tính theo số nhà máy
 Nguồn: CBRE, MBS Research

Hình 11: Quy mô các dự án của FOX

Tên	Vị trí	Diện tích m2	Số tầng	Số rack	Tiêu chuẩn
Duy Tân	Hà Nội	2,073	2	640	na
Fornix HN02	Hà Nội	1,200	8	1,500	Tier 3
Tân Thuận	HCM	1,680	3	1,800	Tier 3
Fornix HCM	HCM	10,000	6	3,600	Tier 3+
Tổng				7,540	

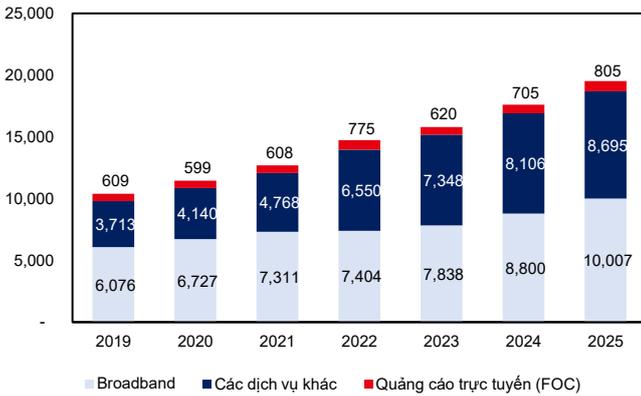
Nguồn: FOX, MBS Research

Cơ cấu doanh thu và LN: Mảng băng rộng cố định vẫn đang là nguồn thu chính của công ty, các mảng khác đóng vai trò toàn kiện hệ sinh thái

Thấy rõ từ 2018 đến nay, mảng băng rộng cố định cùng các dịch vụ gia tăng vẫn đem lại nguồn thu chính cho doanh nghiệp, việc cung cấp dịch vụ internet sẽ đi kèm các dịch vụ cung cấp gói combo giải trí (FPT play), smarthome đối với các thuê bao cá nhân; Và lưu trữ dữ liệu (Cloud, server) đối với khách hàng doanh nghiệp. Các dịch vụ đi kèm là giải pháp để FOX tăng giá gói cước (tăng APRU), và việc tập trung ở các thành phố lớn – nơi các hộ gia đình có điều kiện chi trả và nhu cầu cao hơn giúp doanh nghiệp khá thành công trong việc duy trì chiến

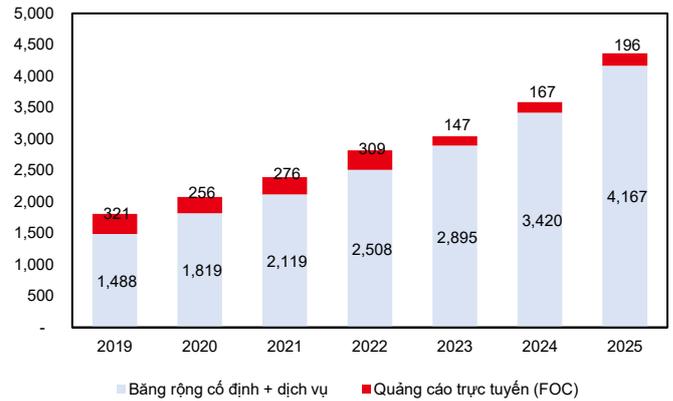
lượng này. Theo đó, dễ dàng thấy được tăng trưởng LNTT thường cao hơn tăng trưởng doanh thu, là kết quả của việc sản phẩm phù hợp, tăng giá gói cước thông qua các dịch vụ gia tăng cũng như tối ưu chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Đối với mảng DC, mặc dù tăng trưởng nhanh nhưng chỉ đóng góp chỉ ~700-900 tỷ doanh thu/năm theo ước tính của chúng tôi, chưa có tác động lớn lên doanh nghiệp.

Hình 12: Mảng Broadband + các dịch vụ gia tăng chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu GD 2019-25 (Đơn vị: Tỷ đồng)



Nguồn: MBS Research

Hình 13: Theo đó, cơ cấu LNTT cũng tương ứng qua các năm (Đơn vị: tỷ đồng)



Nguồn: FOX, MBS Research

Kết quả kinh doanh 2025 & dự báo Q1/2026

Hình 14: Tổng hợp KQKD FOX 2025 (Đơn vị: Tỷ đồng)

	2025	%svck	Q1/26F	%svck	Nhận xét
Doanh thu	19,507	10.8%	5,070	10.6%	Kỳ vọng tăng trưởng ổn định duy trì trong Q1/26 Doanh thu băng rộng cố định 2025 tăng 13.7% svck, hỗ trợ bởi tăng giá gói cước cho thuê bao mới. Số thuê bao cũng được ghi nhận tăng, doanh nghiệp mở rộng được thị phần từ các thị trường thành phố cấp 2. Doanh nghiệp tăng cường bán chéo các dịch vụ về truyền hình nhờ các sản phẩm mới như phát sóng độc quyền Ngoại Hạng Anh. Mảng quảng cáo trực tuyến tăng trưởng khá ổn định.
Băng rộng cố định	10,007	13.7%	2,637	10.0%	
Các dịch vụ khác	8,695	7.3%	2,300	11.2%	
Quảng cáo trực tuyến (FOC)	805	14.3%	133	14.0%	
LN gộp	9,710	16.8%	2,578	11.7%	LN gộp 2025 cải thiện nhờ APRU tăng, kéo biên LN tăng, kỳ vọng xu hướng sẽ tiếp tục cải thiện nhẹ trong Q1/26.
%GPM	49.8%	2.6đ%	50.9%	0.5đ%	
SG&A expense	5,792	15.7%	1,605	10.3%	
EBIT	3,918	18.4%	973	14.0%	
Financial income	805	22.1%	225	25.0%	Doanh thu tài chính 2025 tăng 22% svck, chủ yếu là lãi tiền gửi, doanh nghiệp ghi nhận lượng tiền mặt cuối Q4/25 tăng ~9% sv đầu năm
Financial expense	374	11.9%	93	23.3%	Chi phí tài chính cũng tăng 11.9% svck, chủ yếu đến từ khoản vay ngắn hạn.
Thu nhập ròng khác	15	-133.2%	(2)	-123.7%	
LNTT	4,364	21.6%	1,103	14.1%	Theo đó, LNTT tăng 21.6% svck, tốc độ tăng trưởng cao hơn doanh thu Mảng vẫn là động lực tăng trưởng chính của công ty, biên LNTT cải thiện mạnh và duy trì trong Q1/26 nhờ tăng giá cước cho thuê bao mới và tăng cường bán chéo dịch vụ.
Băng rộng cố định + dịch vụ	4,167	21.9%	1,076	14.1%	
Quảng cáo trực tuyến (FOC)	196	17.3%	27	19.1%	
Chi phí thuế TNDN	(878)	20.8%	(221)	14.1%	
LNST	3,486	21.8%	882	14.1%	
Lợi ích CDTs	68	18.1%	19	132.2%	
LN ròng	3,418	21.9%	863	12.8%	LN ròng 2025 tăng 21% svck. Chúng tôi ước tính LN ròng Q1/26 duy trì đà tăng 2 chữ số đạt 13% svck

Nguồn: FOX, MBS Research

Dự phóng KQKD 2026-27: Duy trì đà tăng trưởng vững vàng

Hình 15: Tổng hợp dự phóng KQKD của FOX trong 2026-27

Tỷ đồng	2025	% svck	2026	% svck	2027	% svck	Nhận xét
Doanh thu thuần	19,507	10.8%	21,555	10.5%	23,869	10.7%	Doanh nghiệp kỳ vọng tăng trưởng 2 chữ số ở tất cả các mảng trong 2026, chúng tôi dự phóng mức tăng trưởng ổn định đối vs FOX GD 2026-27.
Băng rộng cố định + dịch vụ	18,702	10.6%	20,637	10.3%	22,822	10.2%	- Kỳ vọng tăng trưởng thuê bao băng rộng cố định cả nước đạt ~4% trong 2026-27, trong đó, FOX có khả năng giành được thêm thị phần nhờ độ nhận diện và trải nghiệm người dùng được đánh giá cao, các chiến lược đầu tư mới về chất lượng mạng và các gói dịch vụ đi kèm đem lại hiệu quả tốt trong 2024-25 sẽ phát huy trong 2026-27. - APRU ước tính tăng 5% mỗi năm. Từ đầu 2026, theo thống kê, các nhà mạng đã đồng loạt tăng giá gói cước trung bình lên ~5.5% do 1) Chất lượng cung cấp dịch vụ Internet cải thiện do đầu tư Capex từ các tuyến cáp quang mới; 2) Các dịch vụ gia tăng giá trị, đối với FOX là các giải pháp nhà thông minh (Smarthome, camera AI), truyền hình (FPT Play, độc quyền ngoại hạng anh, độc quyền UFC), các giải pháp về DC (cloud, server,...). - Chúng tôi đánh giá cao yếu tố truy quét các trang bóng đá lậu có tác động tích cực lên triển vọng kinh doanh, do FOX vừa mua bản quyền phát sóng ngoại hạng anh trong 2025, và nhu cầu xem bóng đá của các hộ gia đình Việt Nam rất lớn. Do thị phần tập trung các thành phố lớn, việc bán hàng thêm các sản phẩm giá trị gia tăng để được chấp nhận do người dân có năng lực chi trả cao hơn.
Trong đó: mảng TTDL	732	30.1%	961	31.4%	1,219	26.9%	Tăng trưởng mạnh trong 2026-27 với đóng góp từ DC mới (Fornix HCM02). Chúng tôi cho rằng các trung tâm dữ liệu của FOX sẽ có tỷ lệ lấp đầy nhanh, nhờ lợi thế khá lớn khi nằm trong hệ sinh thái công ty mẹ, các khách hàng sử dụng dịch vụ CNTT của FPT nhiều khả năng sẽ sử dụng dịch vụ DC của FOX.
Quảng cáo trực tuyến (FOC)	805	14.3%	917	14.0%	1,047	14.1%	Kiểm tiền chủ yếu từ bán dịch vụ quảng cáo trên các nền tảng nội dung số FOX quản lý, cơ bản có giá trị gia tăng theo triển vọng các mảng chính. Kỳ vọng tăng trưởng ổn định trong 2026-27.
LN gộp	9,710	16.8%	10,858	11.8%	12,072	11.2%	Tăng trưởng LN gộp kỳ vọng sẽ cao hơn tăng trưởng doanh thu do APRU tăng, các mảng kinh doanh có biên cao hơn như DC cũng ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn.
%biên LN gộp	50%		50%		51%		
Chi phí BH&QLDN	5,792	15.7%	6,372	10.0%	6,949	9.0%	Doanh nghiệp có kế hoạch tinh giảm, cải thiện hiệu quả hoạt động quản lý và bán hàng, các yếu tố này có thể hỗ trợ LN trong bối cảnh tăng trưởng doanh thu ổn định và có xu hướng giảm dần trong trung hạn.
EBIT	3,918	18.4%	4,486	14.5%	5,123	14.2%	
Doanh thu tài chính	805	22.1%	956	18.8%	1,065	11.3%	Doanh nghiệp duy trì được lượng tiền mặt dồi dào, việc kinh doanh ổn định và không có kế hoạch đầu tư lớn giúp doanh thu tài chính tăng dần qua các năm.
Chi phí tài chính	374	11.9%	467	24.9%	453	-3.0%	Cơ cấu nợ vay chủ yếu là nợ ngắn hạn, doanh nghiệp dễ dàng chủ động kiểm soát trong bối cảnh lãi suất tăng.
LN trước thuế	4,364	21.6%	4,982	14.2%	5,735	15.1%	
Băng rộng cố định + dịch vụ	4,167	21.9%	4,762	14.3%	5,483	15.1%	
Trong đó: mảng TTDL	25	175.8%	71	179.3%	135	91.2%	
Quảng cáo trực tuyến (FOC)	196	17.3%	220	11.9%	252	14.5%	
LNST	3,486	21.8%	3,979	14.1%	4,578	15.1%	
Lợi ích cổ đông thiểu số	68	18.1%	79	16.0%	90	14.2%	
LN ròng	3,418	21.9%	3,900	14.1%	4,488	15.1%	Theo đó, kỳ vọng LN ròng 2026-27 tăng lần lượt 14.1% svck và 15.1% svck

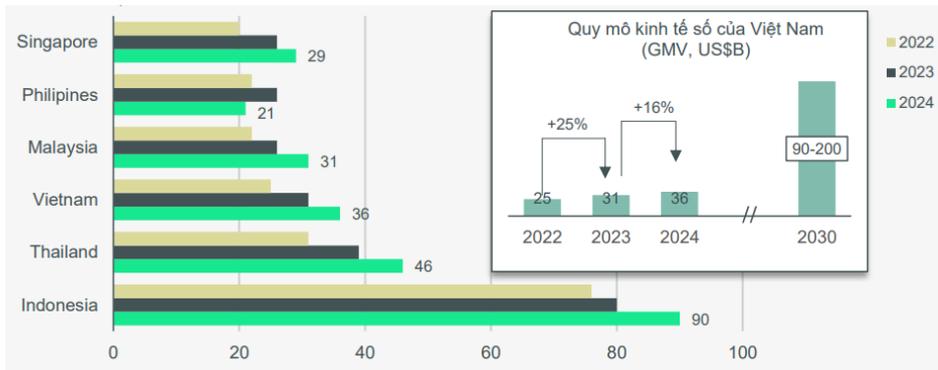
Nguồn: FPT, MBS Research

Trung tâm dữ liệu: Triển vọng mở rộng vẫn hiện hữu mặc dù đang gặp những trục trặc trong ngắn hạn

Trong xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ và Việt Nam định hướng trở thành Digital Hub khu vực ĐNA đến 2030, nhu cầu về dữ liệu ngày càng cao, đòi hỏi sự phát triển của hạ tầng số bao gồm trung tâm dữ liệu và hạ tầng Viễn thông. Theo CBRE, Việt Nam có nhiều lợi thế để thúc đẩy xu hướng này đến từ 1)

Lượng người dùng internet cao nhất APAC; 2) Mô hình kinh doanh trực tuyến phổ biến sau đại dịch Covid; 3) Chuyển dần từ nền kinh tế chuồng tiền mặt sang thanh toán điện tử; 4) Dịch vụ điện toán đám mây mở rộng nhờ các chiến dịch chuyển đổi số của cả quốc gia, từ khu vực hành chính công đến các doanh nghiệp. Hơn nữa, sự bùng nổ của Trí tuệ tạo sinh (Generative AI – GenAI) đang thúc đẩy nhu cầu chưa từng có đối với hạ tầng trung tâm dữ liệu toàn cầu trong những năm tới. Theo dự báo từ McKinsey & Company, từ năm 2023 đến 2030, nhu cầu trung tâm dữ liệu toàn cầu sẽ tăng trưởng với tốc độ kép hàng năm (CAGR) từ 19% đến 22%, trong đó khoảng 70% khối lượng xử lý sẽ liên quan đến AI.

Hình 16: Tăng trưởng kinh tế số của Việt Nam: Dự kiến vươn lên vị trí thứ hai tại Đông Nam Á vào năm 2030 (Đơn vị: GMV, tỷ USD)



Nguồn: CBRE, MBS Research

Về chính sách, chúng ta cũng đã có những sự chuẩn bị được cho là quyết liệt trong đó, Nghị quyết 57-NQ/TW tạo khung định hướng rất mạnh khi xác lập khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là động lực tăng trưởng mới, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn dữ liệu và năng lực xử lý dữ liệu trong nước. Với DC, đây là đòn bẩy quan trọng vì DC chính là lớp hạ tầng vật lý phục vụ cloud, AI, dữ liệu số và an ninh mạng. Mới đây, Nghị định 20/2026/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 198 về cơ chế đặc thù phát triển kinh tế tư nhân, với trọng tâm hỗ trợ khu vực tư nhân qua ưu đãi thuế và các cơ chế khuyến khích đầu tư, về bản chất sẽ thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp tư nhân đầu tư lớn vào hạ tầng số có vòng đời dài như data center, cloud như FOX. Nói cách khác, NQ57 kéo dài hạn, còn NĐ20 giúp giảm bớt rào cản đầu tư và cải thiện động lực mở rộng cung.

Tuy nhiên, vẫn thấy rõ những rủi ro hiện hữu trong ngắn hạn:

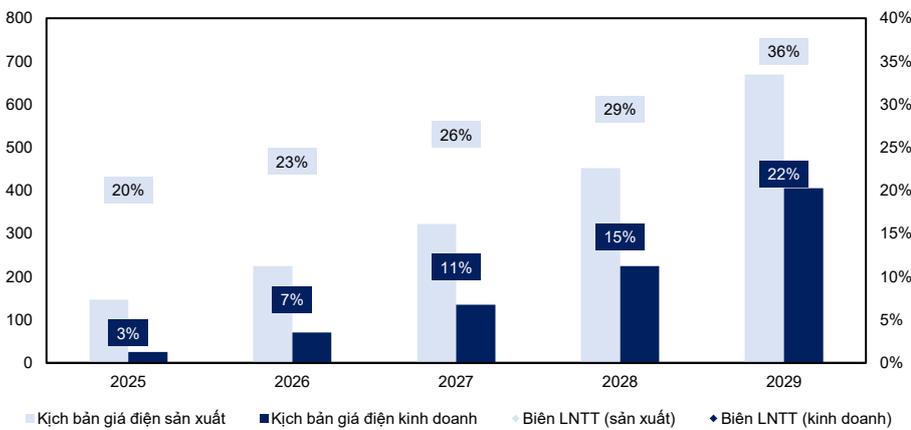
Bên cạnh các rủi ro về chông chéo chính sách, thủ tục phê duyệt mất nhiều thời gian là các yếu tố khiến nhà đầu tư lo ngại tham gia vào thị trường Việt Nam, trong 2026 các doanh nghiệp đang đối mặt thêm với rủi ro mới về cung ứng điện. Cụ thể, Từ đầu 2026, việc một số DC bị áp giá điện theo mục đích kinh doanh thay vì sản xuất đã làm chi phí điện tăng mạnh. Vì điện là cấu phần chi phí cốt lõi của data center, thay đổi này có thể bào mòn trực tiếp biên lợi nhuận, buộc nhà vận hành phải cân nhắc tăng giá thuê với khách hàng.

Lo ngại ở đây không chỉ là câu chuyện lợi nhuận ngắn hạn của FOX, mà là sức cạnh tranh của cả Việt Nam trong cuộc đua thu hút AI, cloud và hyperscale DC. Bộ KH&CN đã có văn bản đề nghị xem xét lại cách áp giá điện cho DC, với lập luận rằng DC là hạ tầng số quốc gia; một số ý kiến doanh nghiệp ước tính việc áp khung giá mới có thể làm chi phí toàn ngành tăng khoảng 1.000 tỷ đồng/năm. Nếu chi phí điện bị neo cao trong khi chất lượng điện, tính ổn định lưới điện và

nguồn năng lượng xanh chưa thật vượt trội so với các nước trong khu vực, Việt Nam có nguy cơ giảm hấp dẫn tương đối trong mắt các nhà đầu tư lớn.

Về quan điểm của MBS, chúng tôi cho rằng việc tăng giá điện của DC đang đi ngược với nghị quyết về ưu đãi phát triển khoa học công nghệ, nên vấn đề sẽ sớm được giải quyết. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn đưa ra các giả định về tăng giá điện sẽ ảnh hưởng lên lợi nhuận mảng DC. Cụ thể, giá điện cho sản xuất hiện hành trung bình ~1,952đ/kWh, tăng lên mức giá điện cho kinh doanh là 2,949đ/kWh (+51%), trong kịch bản giả định không tăng giá đầu ra, chi phí sẽ đội lên 40% và LNTT sẽ giảm 60% trong 2026. Các tác động sẽ không quá đáng kể đối với FOX do đóng góp của mảng cho tổng công ty còn khá thấp và hơn nữa một phần ảnh hưởng nhiều khả năng sẽ đẩy sang đầu ra cho khách hàng.

Hình 17: Ước tính LNTT theo hai kịch bản về giá điện sản xuất và giá điện kinh doanh, có thể thấy LNTT giảm đáng kể cho chi phí điện chiếm ~60% OPEX theo đánh giá của chúng tôi



Nguồn: MBS Research

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kết quả HĐKD	2024	2025	2026	2027	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	2024	2025	2026	2027
Doanh thu thuần	17,610	19,507	21,555	23,869	LN trước thuế	3,588	4,364	4,982	5,735
Giá vốn hàng bán	9,295	9,797	10,697	11,796	Khấu hao	1,372	1,324	1,349	1,393
Lợi nhuận gộp	8,316	9,710	10,858	12,072	Thuế đã nộp	(727)	(878)	(1,002)	(1,156)
Chi phí quản lý DN	(2,151)	(2,291)	(2,582)	(2,831)	Các khoản điều chỉnh khác	-	-	(195)	(196)
Chi phí bán hàng	(2,151)	(2,291)	(2,582)	(2,831)	Thay đổi VLD	(986)	(1,641)	(1,268)	(1,369)
LN từ HĐKD	3,308	3,918	4,486	5,123	LCTT từ HĐKD	3,826	3,708	4,344	4,918
EBITDA thuần	4,681	5,241	5,865	6,555	Đầu tư TSCĐ	(1,032)	(1,751)	(1,476)	(1,484)
LN trước thuế & lãi vay	3,588	4,364	4,982	5,735	Thu từ TL, nhượng bán TSCĐ	0	1	-	-
Thu nhập lãi	659	805	956	1,065	LCTT từ đầu tư	(3,219)	(2,033)	(2,658)	(3,188)
Chi phí tài chính	334	374	467	453	Thu từ PH CP, nhận góp VCSH	-	-	-	-
Thu nhập ròng khác	(46)	15	7	1	Tiền vay ròng nhận được	637	887	744	640
TN từ các Cty LK & LD	-	-	-	-	Dòng tiền từ HĐTC khác	-	-	81	98
LN trước thuế	3,588	4,364	4,982	5,735	Cổ tức, LN đã trả cho CSH	(1,001)	(2,542)	(2,216)	(2,216)
Thuế TNDN	(727)	(878)	(1,002)	(1,156)	LCTT từ hoạt động TC	(364)	(1,655)	(1,392)	(1,479)
Lợi nhuận sau thuế	2,861	3,486	3,979	4,578	Tiền & tương đương tiền đầu kì	424	679	713	1,007
Lợi ích cổ đông thiểu số	58	68	79	90	LC tiền thuần trong năm	243	21	294	252
Lợi nhuận ròng	2,803	3,418	3,900	4,488	Tiền & tương đương tiền cuối kì	679	713	1,007	1,259
Chi trả cổ tức	1,001	2,542	2,216	2,216					
Lợi nhuận giữ lại	1,803	876	1,684	2,272					
Bảng cân đối kế toán	2024	2025	2026	2027	Các chỉ số cơ bản	2024	2025	2026	2027
Tiền và tương đương tiền	679	713	1,007	1,259	Tăng trưởng doanh thu thuần	11.4%	10.8%	10.5%	10.7%
Đầu tư ngắn hạn	11,377	12,379	14,235	16,655	Tăng trưởng EBITDA	17.1%	12.0%	11.9%	11.8%
Phải thu khách hàng	1,815	2,153	2,094	2,373	Tăng trưởng LN từ HĐKD	24.1%	18.4%	14.5%	14.2%
Hàng tồn kho	1,196	1,427	1,264	1,415	Tăng trưởng LN trước thuế	17.9%	21.6%	14.2%	15.1%
Tổng tài sản ngắn hạn	15,257	16,934	18,855	21,990	Tăng trưởng LN ròng	17.6%	21.9%	14.1%	15.1%
Tài sản cố định	5,688	5,786	6,013	6,204	Tăng trưởng EPS	17.6%	21.9%	14.1%	15.1%
Xây dựng cơ bản dở dang	390	697	797	897					
BĐS đầu tư	-	-	-	-	Biên LN gộp	47.2%	49.8%	50.4%	50.6%
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	Biên EBITDA	26.6%	26.9%	27.2%	27.5%
Đầu tư vào công ty LD, LK	-	-	-	-	Biên LN ròng	18.8%	20.1%	20.8%	21.5%
Các khoản đầu tư dài hạn khác	2,401	2,656	2,939	3,253	ROAE	28.4%	31.2%	32.1%	31.4%
Tổng tài sản dài hạn	8,511	9,171	9,787	10,394	ROAA	12.8%	13.7%	14.2%	14.7%
Tổng tài sản	23,768	26,105	28,643	32,384	ROIC	16.2%	18.2%	18.3%	18.4%
Vay & nợ ngắn hạn	6,541	7,360	8,095	8,743	Vòng quay tài sản	0.8	0.8	0.8	0.8
Phải trả người bán	1,541	1,875	1,785	1,879	Cổ tức chi trả/LN ròng	41.9%	48.8%	42.7%	42.1%
Phải trả ngắn hạn khác	780	833	926	1,005	Tổng nợ vay/VCSH	41.8%	48.2%	45.7%	41.7%
Tổng nợ ngắn hạn	13,000	14,681	15,363	16,648	Nợ vay ròng/VCSH	-51.0%	-49.7%	-53.5%	-58.1%
Vay & nợ dài hạn	82	151	159	151	Nợ vay ròng/Tổng tài sản	-22.9%	-21.4%	-24.4%	-27.9%
Các khoản phải trả khác	40	42	47	51	Khả năng thanh toán lãi vay	9.9	10.5	9.6	11.3
Tổng Nợ dài hạn	122	193	206	202					
Tổng nợ	13,122	14,874	15,568	16,850	Số ngày phải thu	33.8	37.1	36.0	34.2
					Số ngày nắm giữ hàng tồn kho	39.4	48.9	45.9	41.4
Vốn điều lệ	4,925	7,388	7,388	7,388	Số ngày phải trả tiền bán	51.4	63.6	62.4	56.7
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-					
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	1.2	1.2	1.2	1.3
LN giữ lại	3,190	2,938	4,621	6,893	Khả năng thanh toán nhanh	1.1	1.1	1.1	1.2
Các quỹ thuộc VCSH	2,177	570	651	749	Khả năng thanh toán tiền mặt	0.9	0.9	1.0	1.1
Vốn chủ sở hữu khác	10,292	10,896	12,660	15,030					
Lợi ích cổ đông thiểu số	354	335	414	505	Định giá				
Tổng vốn chủ sở hữu	10,646	11,231	13,074	15,534	EPS (đồng/cp)	3,795	4,627	5,279	6,075
Tổng nợ và VCSH	23,768	26,105	28,643	32,384	BVPS (đồng/cp)	13,932	14,749	17,137	20,345
					P/E (lần)	19.6	16.1	14.1	12.3
					P/B (lần)	5.3	5.1	4.3	3.7

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập vào tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB), Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) là một trong sáu công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã phát triển thành một trong những công ty môi giới hàng đầu trong nước. Trong hai năm liên tiếp từ 2009 đến 2010, MBS dẫn đầu công ty môi giới về thị phần trên cả Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và liên tục được xếp hạng trong Top 5 về thị phần tại cả hai sở giao dịch chứng khoán.

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu
Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng
Nguyễn Tiến Dũng

Macro & Market Strategy
Ngô Quốc Hưng
Nghiêm Phú Cường
Võ Đức Anh
Đinh Hà Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính
Đinh Công Luyện
Phạm Thị Thanh Hương

Bất động sản
Nguyễn Minh Đức
Lê Hải Thành
Phạm Thị Thanh Huyền

Công nghiệp – Năng lượng
Nguyễn Hà Đức Tùng
Mai Duy Anh

Dịch vụ - Tiêu dùng
Nguyễn Quỳnh Ly